Dùng cho đường ống thông dụng và chịu dầu TOYORING® Hose

Sử dụng/Chất dẫn: Hóa chất, Dầu, Nước, Bột, Khí

Mềm dẻo | Trong suốt | Chống gãy gập và chống xẹp ống | Dùng cho áp suất đẩy và áp suất âm

- Khả năng khôi phục cao ngay cả khi xẹp. Đảm bảo vận hành mà không làm tắc chất dẫn.
- Vật liệu gia cố làm bằng nhựa PET chuyên dụng có thể dễ dàng cắt bằng kéo. Khả năng hoạt động vượt trội và không cần tách ống mềm để thải bỏ
- Khả năng kháng dầu vượt trội. Tuổi thọ ống lâu dài.
- Rất dẻo, nên việc xử lý đường ống trở nên dễ dàng
- Độ trong suốt cao và đảm bảo an toàn trong xác minh chất dẫn
- An toàn và đảm bảo nhờ tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

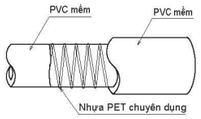

Điểm nổi bật Độ mạnh và độ mềm lâu bền!

1. Lưu lượng truyền dẫn tăng lên.

Chống cong và xẹp bằng khả năng khôi phục ưu việt.

■ So sánh khả năng chống xẹp (50ϕ)

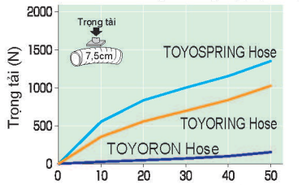

Điều kiện: Một trọng tài chỉ định được áp dụng trên một hình vuông 7,5 cm và tỷ lệ biến dạng được đo lường.

■ So sánh khả năng khôi phục (50ϕ)

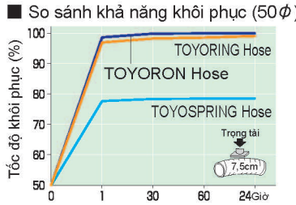

Điều kiện: Áp dụng trọng tải cho cùng một ống mềm mẫu cho đến khi tỷ lệ biến dạng đạt 50% và tốc độ khôi phục sau khi tháo dỡ trọng tải được đo lường.

2. Dễ cắt

Lập thang đo trên mỗi 1 mét sẽ giúp dễ dàng cắt bằng kéo và làm giảm số giờ thực hiện xử lý đường ống.

"So sánh khả năng khôi phục và hiệu suất cắt - Vật liệu gia cố nhựa so với vật liệu gia cố kim loại"
Video được lưu hành trên trang web của chúng tôi:
https://www.toyox-hose.com

3. Tuổi thọ ống lâu dài

Khả năng kháng dầu vượt trội và độ linh hoạt lâu dài mang đến tuổi thọ ống lâu dài.

■ So sánh khả năng chịu dầu Thời gian ngâm (ngày)

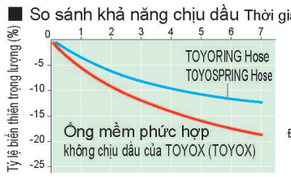

Điều kiện: Hoạt động tuân theo JIS 6723.
Nhiệt độ ngâm: 60°C±3°C
Dầu ngâm: Dầu cách điện số 2

■ Thông số TOYORING Hose (Khoảng nhiệt độ sử dụng/-5 ~ 60°C)

Mã sản phẩm	Inch	Đường kính trong × Đường kính ngoài mm	Áp suất sử dụng ※1 MPa	Nhiệt độ ※2 biến dạng khi giảm áp suất (-0,1MPa) °C	Trọng lượng tiêu chuẩn kg/cuộn	Độ dài mỗi cuộn m	Bán kính uốn cong tối thiểu mm	Đầu nối thích hợp: Dạng nắp vặn ren – Ren	Clamp – Camlock	Clamp – Đầu đuôi chuột
TG-9	3/8	9 ×15	-0,1 ~ 0,8	100	14,0	100	40	●		
TG-12	1/2	12 ×18	-0,1 ~ 0,5	100	18,5	100	50	●		
TG-15	5/8	15 ×22	-0,1 ~ 0,5	120	14,0	50	60	●		●
TG-19	3/4	19 ×26	-0,1 ~ 0,4	110	17,0	50	80	●	●	●
TG-25	1	25,4×33,4	-0,1 ~ 0,4	100	25,0	50	100	●	●	●
TG-32	1-1/4	32 ×41	-0,1 ~ 0,3	90	28,0	40	130	● ※3	● ※4	
TG-38	1-1/2	38 ×48	-0,1 ~ 0,3	85	38,0	40	150	● ※3	●	
TG-50	2	50,8×62,8	-0,1 ~ 0,3	75	60,0	40	200	● ※3	●	
								Dành cho ngành công nghiệp chung ▶Tr.77	Dành cho ngành công nghiệp chung ▶Tr.93	Dành cho ngành công nghiệp chung ▶Tr.115

Vật liệu chính/PVC mềm
Vật liệu gia cố/Nhựa PET chuyên dụng
Màu sắc/Trong suốt tự nhiên có dòng màu vàng
Đóng gói/TG-9 ~ 25: Kiểu cuộn tròn
TG-32 ~ 50: Kiểu bọc nilon

※1 -0,1 MPa là giá trị xấp xỉ. Kiểm tra Hình 1 trên trang 175.
※2 Nhiệt độ biến dạng khi giảm áp suất là nhiệt độ làm biến dạng ống mềm khi bên trong của ống mềm (ở điều kiện thẳng) được giảm áp xuống mức -0,1 MPa (-760 mmHg). Đây không phải là nhiệt độ giới hạn sử dụng của ống mềm.
※3 Đồng thau loại TC6-B, Thép không gỉ loại TC6-S (dạng clamp)
※4 Ngoại trừ các sản phẩm PP

⚠ Hãy đảm bảo kiểm tra "Biện pháp phòng ngừa để đảm bảo sử dụng an toàn" trên trang 144.

•Màu sắc thực tế của các sản phẩm được liệt kê có thể hơi khác so với hình minh họa.
•Thông số trong tài liệu này có thể thay đổi để cải thiện mà không cần thông báo trước.

Dùng cho bột và vật liệu dạng hạt (chống tĩnh điện) HYBRID TOYOTOP®-E Hose Được cấp bằng sáng chế

Sử dụng/Chất dẫn: Bột

Chống tĩnh điện | Mềm dẻo | Chống gãy gập và chống xẹp ống | Dùng cho áp suất đẩy và áp suất âm

- Có chất chống tĩnh điện và sợi dẫn điện chuyên dụng giúp ngăn ngừa phóng tĩnh điện trong giai đoạn dài. Loại ống mềm này cũng ngăn ngừa tắc bột và vật liệu dạng hạt đồng thời cải thiện hiệu suất.
- Ống mềm này ngăn ngừa chất dẫn bám vào lớp trong cùng của ống mềm. Điều này duy trì độ trong suốt và giúp kiểm tra hoạt động vận hành hiệu quả
- Vận hành an toàn vì sẽ không có hiện tượng phóng điện tĩnh gây khó chịu cho cơ thể người
- Gắn một kẹp tiếp mát chuyên dụng vào sợi dẫn điện trên bề mặt ngoài của ống mềm sẽ loại bỏ công việc gọt bỏ phần vỏ phiền phức và giảm số giờ thực hiện công việc.
- An toàn và đảm bảo nhờ tuân thủ các quy định RoHS2 đã sửa đổi

HYBRID Cấu trúc hợp chất chống tĩnh điện

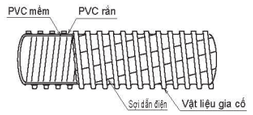

Điểm nổi bật Giải quyết các sự cố về tĩnh điện!

1. Giảm lỗi/thất thoát sản phẩm và cải thiện năng suất

Hiệu quả chống tĩnh điện cao ngăn ngừa các vật liệu, chẳng hạn như chất tạo màu bám vào lớp trong cùng của ống mềm. Điều này làm giảm lỗi sản phẩm, chẳng hạn như hiện tượng loang màu và cải thiện năng suất. Ngoài ra, kẹp này còn không cho các vật chẳng hạn như bụi bám vào bề mặt. Đặc điểm này đã làm cho bên trong ống mềm nhìn rõ hơn so với sản phẩm hiện có, giúp ngăn cản sự cố trước khi chúng xảy ra.

2. Môi trường làm việc an toàn, đảm bảo và thoải mái

Loại bỏ các tia lửa gây khó chịu do hiện tượng phóng tĩnh điện gây ra, tạo nên một môi trường an toàn và thoải mái.

3. Giảm số giờ thực hiện công việc tiếp mát

Gắn một kẹp tiếp mát chuyên dụng vào sợi dẫn điện trên bề mặt ngoài của ống mềm sẽ loại bỏ công việc tháo bỏ phần vỏ phiền phức và giảm số giờ thực hiện công việc.

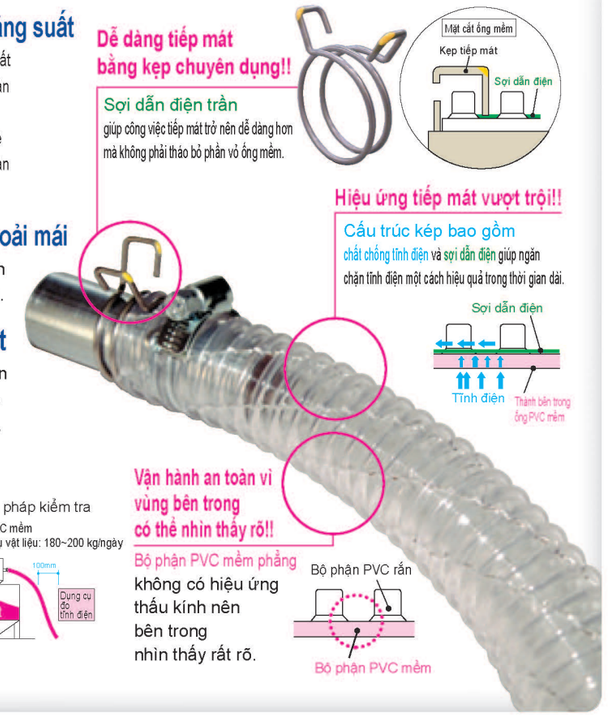

Kết quả kiểm tra đối chiếu lượng điện tích (được kiểm tra bởi TOYOX)

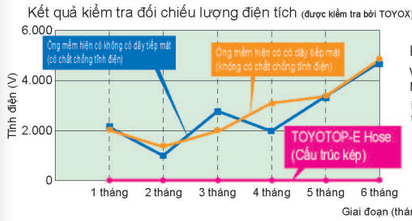

Phương pháp kiểm tra
Vật liệu: PVC mềm
Mức tiêu thụ vật liệu: 180~200 kg/ngày

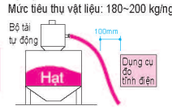

■ Thông số TOYOTOP-E Hose (Khoảng nhiệt độ sử dụng/-10 ~ 50°C)

Mã sản phẩm	Inch	Đường kính trong × Đường kính ngoài mm	Bước răng mm	Áp suất sử dụng ※1 MPa	Nhiệt độ ※2 biến dạng khi giảm áp suất (-0,1MPa) °C	Trọng lượng tiêu chuẩn kg/cuộn	Độ dài mỗi cuộn m	Bán kính uốn cong tối thiểu mm	Đầu nối thích hợp: Clamp – Camlock
TPE 032-20	1-1/4	32,0×41,6	9,0	-0,1 ~ 0,15	55	7,4	20	100	● ※3
TPE 038-20	1-1/2	38,0×48,4	9,5	-0,1 ~ 0,15	55	9,6	20	120	●
TPE 050-20	2	50,8×63,0	10,0	-0,1 ~ 0,10	55	16,0	20	200	●
TPE 065-20	2-1/2	63,5×78,9	14,3	-0,1 ~ 0,10	55	25,0	20	260	● ※3
									Dành cho ngành công nghiệp chung ▶Tr.93

Vật liệu chính/PVC mềm
Vật liệu gia cố/PVC rắn
Đóng gói/Kiểu bọc nilon

※1 -0,1MPa là giá trị xấp xỉ. Kiểm tra Hình 1 trên trang 175.
※2 Nhiệt độ biến dạng khi giảm áp suất là nhiệt độ làm biến dạng ống mềm khi bên trong của ống mềm (ở điều kiện thẳng) được giảm áp xuống mức -0,1 MPa (-760 mmHg). Đây không phải là nhiệt độ giới hạn sử dụng của ống mềm.
※3 Ngoại trừ các sản phẩm làm bằng PP

⚠ Hãy đảm bảo kiểm tra "Biện pháp phòng ngừa để đảm bảo sử dụng an toàn" trên trang 146.

■ Thông số kẹp tiếp mát

Mã sản phẩm	Ống mềm thích hợp TOYOTOP-E Hose
TPEC-032	TOYOTOP-E-32
TPEC-038	TOYOTOP-E-38
TPEC-050	TOYOTOP-E-50
TPEC-065	TOYOTOP-E-65

Đóng gói/Một gói 10 pcs

Dữ liệu về khả năng chịu hóa chất 117 | Biện pháp phòng ngừa 144/146 | Tài liệu tham khảo 175